

Số: 40 /2017/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 8 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Thông tư 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;*

*Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;*

*Xét Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 16/6/2017 của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà

nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao UBND tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa X Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 25/8/2017. Đối với vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, áp dụng từ năm ngân sách 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, tp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Thanh**

## QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển  
và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện  
Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững  
giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/2017/NQ-HĐND  
ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh. Căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

#### Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

### Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ

1. Chương trình 30a (Dự án 1): Tiêu chí, định mức phân bổ vốn được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

**2. Chương trình 135 (Dự án 2):** Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 và các văn bản khác có liên quan.

a) Các tiêu chí cụ thể

- Tiêu chí về xã (xã khu vực III, II, I);
- Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn;
- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo.

b) Cách tính hệ số các tiêu chí theo khoản 2 Điều 5 Quyết định 48/2016/QĐ-TTg

- Tiêu chí về xã: áp dụng hệ số (H1);
- Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn: theo hệ số (H2);
- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo của huyện	Hệ số (H3)
Nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,02
Nhỏ hơn hoặc bằng 2 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,03
Nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,04
Cao hơn 2,5 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,05

- Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số: theo hệ số (H4)

c) Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số Hệ số của từng huyện; tổng Hệ số của các huyện thực hiện Chương trình 135 sử dụng ngân sách Trung ương làm căn cứ phân bổ vốn như sau:

Tổng hệ số các nội dung của huyện (Y)

$$Y = (H1 + H2) \times (1 + H3 + H4)$$

N = Tổng Hệ số các huyện cộng lại

Tổng mức vốn được phân bổ của Chương trình (M)

$$M = \text{Tổng vốn đầu tư phát triển} + \text{Tổng kinh phí sự nghiệp.}$$

- Xác định mức phân bổ vốn:

Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 Hệ số (K)

$$K = M : N$$

- Số vốn phân bổ cho từng huyện (X):  $X = K \times Y$

### 3. Các dự án khác

a) Tiêu chí phân bổ cho các địa phương

- Tỷ lệ hộ nghèo:

+ Huyện, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo dưới 22%: Hệ số 0,5.

+ Huyện, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 22% đến dưới 37%: Hệ số 0,55.

+ Huyện, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 37% trở lên: Hệ số 0,6.

- Quy mô hộ nghèo: hộ nghèo được xác định trên cơ sở chuẩn nghèo cuối năm 2015

+ Huyện, thành phố có quy mô hộ nghèo dưới 3.300 hộ: Hệ số 0,5.

+ Huyện, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 3.300 hộ đến dưới 4.950 hộ: Hệ số 0,6.

+ Huyện, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 4.950 hộ trở lên: Hệ số 0,7.

b) **Dự án 3.** Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

b) Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí cho huyện =  $A \times N \times X$ ; trong đó:

A: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng)

N: Số xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình 30a trên địa bàn huyện.

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

c) **Dự án 4.** Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các sở, ngành, UBND cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc miền núi.

b) Định mức phân bổ: Nguồn kinh phí hỗ trợ sẽ được phân bổ 50% kế hoạch vốn cho cơ quan quản lý chương trình cấp tỉnh và 50% kế hoạch vốn còn lại phân bổ theo hệ số từng huyện, thành phố thực hiện.

- Đối với cấp tỉnh: Căn cứ kinh phí hằng năm do Trung ương phân bổ, UBND tỉnh quyết định phân bổ, triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Phân bổ kinh phí cho cấp huyện:

Tổng vốn bố trí cho một huyện = ( A + B x tổng số xã ) x X; trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện (triệu đồng).

B: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

**d) Dự án 5.** Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các sở, ngành, địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc miền núi.

b) Định mức phân bổ: Nguồn kinh phí hỗ trợ sẽ được phân bổ 50% kế hoạch vốn cho cơ quan quản lý chương trình cấp tỉnh và 50% kế hoạch vốn còn lại phân bổ theo hệ số từng huyện, thành phố thực hiện chương trình.

- Đối với cấp tỉnh: Căn cứ kinh phí hằng năm do Trung ương phân bổ, UBND tỉnh quyết định phân bổ, triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Phân bổ kinh phí cho cấp huyện:

Tổng vốn bố trí cho một huyện = ( A + B x tổng số xã ) x X; trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện (triệu đồng).

B: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

**Điều 5. Tỷ lệ và phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

1. Tỷ lệ vốn đối ứng: 10% tổng nguồn vốn của Trung ương phân bổ cho chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững của tỉnh; trong đó, phân bổ vốn đầu tư phát triển tỷ lệ 70,7%, vốn sự nghiệp tỷ lệ 29,3%. Nguồn vốn đối ứng này được phân bổ cho các thôn, xã ngoài Chương trình 30a của Chính phủ.

2. Phân bổ vốn đối ứng

**a) Dự án 1**

- **Tiểu dự án 1:** Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, các thôn đặc biệt khó khăn. Phân bổ 78%/tổng vốn đối ứng ngân sách địa phương

hỗ trợ, trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển: 70,7%

+ Vốn sự nghiệp: 7,3%.

- **Tiểu dự án 2:** Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, các thôn đặc biệt khó khăn (vốn sự nghiệp). Phân bổ 12%/tổng vốn đối ứng của ngân sách địa phương hỗ trợ.

- **Tiểu dự án 3:** Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (vốn sự nghiệp). Phân bổ 1%/tổng vốn đối ứng của ngân sách địa phương hỗ trợ.

**b) Dự án 2:** Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (vốn sự nghiệp). Phân bổ 4%/tổng vốn đối ứng của ngân sách địa phương hỗ trợ.

**c) Dự án 3:** Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (vốn sự nghiệp). Phân bổ 2%/tổng vốn đối ứng của ngân sách địa phương hỗ trợ.

**d) Dự án 4:** Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình (vốn sự nghiệp). Phân bổ 3%/tổng vốn đối ứng của ngân sách địa phương hỗ trợ.

UBND tỉnh phân bổ vốn đối ứng của địa phương theo tỷ lệ và định mức hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương theo quy định để thực hiện có hiệu quả chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thanh

Handwritten text, possibly a signature or date, located in the upper right quadrant of the page.

Small handwritten mark or signature in the bottom left corner.